

THỰC TRẠNG KIẾN THỨC VỀ TẮC TIA SỮA CỦA BÀ MẸ SAU SINH TẠI KHOA SẢN BỆNH VIỆN TRUNG ƯƠNG THÁI NGUYÊN

Ngô Thị Vân Huyền^{1*}, Hoàng Thị Mai Nga¹, Trần Thị Hường²

¹Trường Đại học Y Dược - ĐH Thái Nguyên,

²Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên

TÓM TẮT

Tắc tia sữa là một vấn đề phổ biến ở bà mẹ sau sinh trong thời kỳ hậu sản. Nếu vấn đề này không được phát hiện và điều trị đúng cách nó có thể ảnh hưởng đến sự tiết sữa và có thể dẫn đến áp xe vú. Nhận thức sớm và có kiến thức về tắc tia sữa sẽ giúp các bà mẹ ngăn ngừa được vấn đề về vú. Nghiên cứu này đánh giá kiến thức và tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến tắc tia sữa của các bà mẹ sau sinh. Thiết kế mô tả cắt ngang đã được sử dụng trong nghiên cứu này. Số liệu được thu thập từ 245 bà mẹ sau sinh tại khoa Sản Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên (BVTWTN), phỏng vấn trên bộ câu hỏi có sẵn.

Kết quả nghiên cứu cho thấy có 79,2% các bà mẹ có số điểm kiến thức đạt, và 20,8% các bà mẹ có số điểm kiến thức không đạt về tắc tia sữa. Không có sự liên quan giữa tuổi, nghề nghiệp, thu nhập, nơi ở của các bà mẹ và kiến thức về tắc tia sữa ($P > 0,05$). Có sự liên quan giữa trình độ học vấn, số lần sinh của các bà mẹ có liên quan đến kiến thức về tắc tia sữa của bà mẹ sau sinh. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($P < 0,05$).

Từ khóa: Tắc tia sữa, kiến thức, chăm sóc vú, sản phụ sau đẻ, sữa mẹ

ĐẶT VẤN ĐỀ

Chăm sóc vú là một khía cạnh hay bị bỏ quên nhất trong chăm sóc hậu sản. Tắc tia sữa là một vấn đề phổ biến ở các bà mẹ sau sinh trong thời kỳ hậu sản.

Sữa được tạo ra ở nang sữa theo các ống dẫn đổ về xoang chứa sữa ở phía sau quầng vú còn được gọi là các tia sữa, dưới tác dụng kích thích của động tác bú mút của trẻ, sữa sẽ chảy ra ngoài. Trên dòng chảy vì một lý do nào đó mà lòng ống dẫn bị hẹp bít lại (chèn ép từ ngoài vào hay bít tắc trong lòng ống), sữa sẽ không thể thoát ra ngoài được. Tại chỗ tắc sẽ dần tạo thành hòn cục do hiện tượng sữa đông kết. Trong lúc đó, sữa vẫn tiếp tục được tạo ra, làm cho các ống dẫn trước chỗ tắc ngày càng bị căng giãn. Hiện tượng này gây chèn ép các ống dẫn sữa khác, tạo ra một vòng xoắn bệnh lý, làm tình trạng tắc sữa ngày càng nặng thêm [1].

Hiện tượng này thường xảy ra ở các sản phụ trong những ngày đầu sau sinh và trong thời kỳ nuôi con bằng sữa mẹ. Nếu bị tắc tia sữa không điều trị kịp thời và đúng phương pháp

người mẹ có thể bị viêm tuyến vú, áp-xe tuyến vú, lâu dần trở thành các dải xơ hóa hay u xơ tuyến vú. Ngoài ra, tắc tia sữa còn làm cho quá trình tạo sữa bị ảnh hưởng, dần dần người mẹ ít sữa hoặc sẽ mất sữa. [1].

Hiện tượng tắc tia sữa có rất nhiều nguyên nhân như người mẹ không cho trẻ bú sớm và thường xuyên, cho con bú không vệ sinh sạch sẽ tạo điều kiện cho vi khuẩn xâm nhập từ ngoài vào thông qua đầu vú rồi dẫn đến hệ thống ống dẫn sữa nhiễm khuẩn sẽ bị hẹp gây cản trở sữa thoát ra ngoài, điều này gây ra việc tắc tia sữa [2].

Đặc biệt, ở những bà mẹ không cho trẻ bú không đều cũng là một trong những nguyên nhân gây tắc tia sữa [2].

Tắc tia sữa không những ảnh hưởng đến sức khỏe của các bà mẹ mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến trẻ sơ sinh làm cho trẻ sơ sinh không có sữa mẹ để bú [1].

Vì vậy chăm sóc sau sinh sớm đặc biệt là chăm sóc vú là điều cần thiết để phòng ngừa viêm tắc tia sữa. Do vậy nghiên cứu này sẽ đánh giá thực trạng kiến thức về tắc tia sữa của bà mẹ sau sinh ở Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.

* Tel: 0912 381116, Email: vanhuyen79@yahoo.com.vn

Mục tiêu nghiên cứu

1. Mô tả thực trạng kiến thức về tắc tia sữa của bà mẹ sau sinh tại khoa Sản (BVTWTN)
2. Tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến kiến thức về tắc tia sữa của bà mẹ sau sinh tại khoa sản (BVTWTN).

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu

Các bà mẹ sinh con tại khoa Sản (BVTWTN).

Tiêu chuẩn chọn đối tượng nghiên cứu:

- + Sau đẻ ít nhất 24 giờ.
- + Các bà mẹ đẻ đủ tháng.
- + Không có bệnh và các biến chứng trước, trong và sau khi sinh.
- + Đồng ý tham gia vào nghiên cứu.

Phương pháp nghiên cứu: Mô tả cắt ngang

Chọn mẫu: Được tính theo công thức

$$n = Z^2_{1-\alpha/2} \frac{pq}{d^2}$$

Trong đó:

n: Cỡ mẫu tối thiểu cần cho nghiên cứu

$Z^2_{1-\alpha/2}$: Là giá trị tương ứng của hệ số giới hạn tin cậy, độ tin cậy 95% ($Z_{1-\alpha/2} = 1,96$)

p: Tỷ lệ bà mẹ trả lời sai, ước tính $p = 0,2$

$q = 1-p$

d: Độ chính xác mong muốn, $d = 0,05$

Với công thức trên, cỡ mẫu $n = 245$

Thước đo và bộ công cụ

Bộ câu hỏi được nhóm nghiên cứu xây dựng dựa trên tài liệu nuôi con bằng sữa mẹ và tài liệu Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, Bộ Y tế (2009). Kiến thức của các bà mẹ được đánh giá bằng bộ câu hỏi gồm 17 câu trả lời đúng/sai, mỗi câu trả lời đúng được 1 điểm, trả lời sai được 0 điểm. Tính giá trị của bộ câu hỏi được đánh giá bởi các chuyên gia trong lĩnh vực sản phụ khoa và nữ hộ sinh khoa sản. Độ tin cậy của bộ câu hỏi được kiểm tra bằng nghiên cứu thử nghiệm

trên 30 đối tượng. Người nghiên cứu gặp trực tiếp đối tượng và phỏng vấn tại phòng bệnh của khoa Sản (BVTWTN).

Phương pháp phân tích số liệu

Số liệu được phân tích bằng phần mềm SPSS 17.0

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Mô tả thực trạng kiến thức về tắc tia sữa của Bà mẹ sau sinh tại khoa Sản (BVTWTN)

Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm về tuổi và trình độ học vấn của đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm		n	(%)
Nhóm tuổi	<20	18	7,3
	20-29	160	65,3
	30-35	59	24,1
	>35	8	3,3
Trình độ học vấn	Cấp III	65	26,5
	Trung cấp/CD/ĐH	159	64,9
	Sau đại học	21	8,6

Nhận xét:

- Đa số các bà mẹ đều trong độ tuổi từ 20-29 chiếm 65,3%. Số bà mẹ có độ tuổi từ 30 – 35 chiếm 24,1%, còn lại là dưới 20 tuổi và trên 35 tuổi.

- Các bà mẹ có trình độ học vấn trung cấp/cao đẳng/đại học chiếm 64,9% và lần lượt là cấp III chiếm 26,5%, và chỉ có 8,6% có trình độ sau đại học.

Bảng 2. Đặc điểm về nghề nghiệp, nơi sinh sống của đối tượng

Đặc điểm		n	(%)
Nghề nghiệp	Cán bộ	80	32,7
	Công nhân	65	26,5
	Làm ruộng/nông dân	40	16,3
	Khác	60	24,5
Nơi sống	Thành phố	96	39,2
	Các huyện	149	60,8

Nhận xét:

- Về nghề nghiệp: Có 32,7% các bà mẹ là cán bộ, 26,5% các bà mẹ làm công nhân, làm các công việc khác là 24,5%, và có 16,3% các bà mẹ làm ruộng.

- Về nơi ở: Đa số các bà mẹ sống ở nông thôn chiếm 60,8%, còn lại 39,2% các bà mẹ sống ở thành phố.

**Hình 1.** Số lần sinh

Nhận xét: Có 48,6% các bà mẹ là sinh con lần đầu, 48,2% các bà mẹ sinh con lần 2, chỉ có 3,3% các bà mẹ sinh con lần thứ 3.

Kiến thức về tắc tia sữa của các bà mẹ

Các câu hỏi là câu hỏi đúng sai, nếu trả lời đúng sẽ được 1 điểm, nếu trả lời sai sẽ được không điểm, được phân thành các nhóm kiến thức chuyên biệt như sau:

Bảng 3. Kiến thức của bà mẹ về vệ sinh vú khi cho trẻ bú

Nội dung	Trả lời đúng		Trả lời sai	
	n	(%)	n	(%)
VS vú trước	138	56,3	107	43,7
VS vú sau	153	62,4	92	37,6

Nhận xét: Với kiến thức về vệ sinh vú khi cho trẻ bú: Đa số các bà mẹ đều trả lời đúng về vệ sinh vú trước và sau khi cho trẻ bú chiếm lần lượt là 56,3% và 62,4 %.

Bảng 4. Kiến thức của bà mẹ về cách cho trẻ bú

Nội dung	Trả lời đúng		Trả lời sai	
	n	(%)	n	(%)
Trẻ chỉ ngậm núm vú	232	94,7	13	5,3
trẻ ngậm núm vú và quầng thâm của vú	188	76,7	57	23,3
không vắt bỏ sữa đầu	98	40	147	60
thay đổi bên vú liên tục	164	66,9	81	33,1
Không cần vắt sữa khi còn nhiều sữa	61	24,9	184	75,1
Bú hết một bên rồi cho bú bên còn lại	204	83,3	41	16,7
Trẻ ngậm vú mẹ để ngủ	115	46,9	130	53,1

Nhận xét: Kiến thức của bà mẹ về cách cho trẻ bú: Đa số các bà mẹ đều trả lời đúng về cách ngậm bắt vú khi cho trẻ bú là 94,7% và 76,7%, nên cho trẻ bú thay đổi bên vú cũng

có 66,9% các bà mẹ trả lời đúng, 83,3% các bà mẹ biết cách cho con bú hết một bên rồi cho sang bên còn lại. Nhưng có hơn 50% các bà mẹ trả lời sai về không cần vắt bỏ những giọt sữa đầu chiếm 60%, và có tới 75,1% các bà mẹ trả lời sai là không cần vắt sữa khi vẫn còn nhiều sữa sau khi cho trẻ bú và có đến 53,1% các bà mẹ trả lời sai về việc vẫn tiếp tục cho trẻ ngậm vú để ngủ.

Bảng 5. Kiến thức của bà mẹ về dấu hiệu tắc tia sữa

Nội dung	Trả lời đúng		Trả lời sai	
	n	(%)	n	(%)
đau ở núm vú	124	50,6	121	49,4
Núm vú bị nứt	221	90,2	24	9,8
căng to và đau	115	46,9	130	53,1
Bầu vú căng to và có sốt	224	91,4	21	8,6
Bầu vú cương cứng	185	75,5	60	24,5
Bầu vú có những vùng cứng hơn	68	27,8	177	72,2
Bầu vú mềm sau khi trẻ bú	196	80	49	20
Bầu vú không mềm sau khi trẻ bú	82	33,5	163	66,5

Nhận xét: Hầu hết các bà mẹ trả lời đúng trên 50% về các dấu hiệu bất thường của vú khi cho trẻ bú lần lượt là: Khi cho trẻ bú thấy đau ở núm vú chiếm 50,6%, núm vú bị nứt chiếm 90,2%, bầu vú căng to và có sốt chiếm 91,4%, bầu vú cương cứng và không ra sữa chiếm 75,5%, bầu vú phải mềm sau khi cho trẻ bú chiếm 80%. Nhưng có tới 53,1% các bà mẹ trả lời sai cho rằng bầu vú căng to và đau nhức đó là bình thường, và 72,2% cũng cho rằng bầu vú có những chỗ cứng hơn khi cho trẻ bú là bình thường và có 66,5% các bà mẹ cho rằng bầu vú không mềm sau khi cho trẻ bú.

Bảng 6. Kiến thức chung về tắc tia sữa của các bà mẹ sau sinh

Nội dung	n	Tỷ lệ (%)
Đạt	194	79,2
Không đạt	51	20,8
Tổng	245	100

Nhận xét: Kết quả nghiên cứu cho thấy có 79,2% các bà mẹ có số điểm kiến thức đạt,

và 20,8% các bà mẹ có số điểm kiến thức không đạt.

Tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến kiến thức về tắc tia sữa

Bảng 7. *Mối liên quan giữa tuổi và kiến thức về tắc tia sữa*

Tuổi	Kiến thức về tắc tia sữa	
	Đạt	Không đạt
<20*	7	1
20-29	44	15
30-35	127	33
>35	16	2
Tổng	194	51
OR, CI _{95%} , P	OR =0,823; CI: 0,506-1,337, P=0,431	

* biến so sánh

Nhận xét: Kết quả từ bảng 7 cho thấy nhìn chung không có sự khác biệt về tỷ lệ đạt kiến thức tắc tia sữa và tuổi của các bà mẹ với (P>0,05).

Bảng 8. *Mối liên quan giữa nghề nghiệp và kiến thức về tắc tia sữa*

Nghề nghiệp	Kiến thức về tắc tia sữa	
	Đạt	Không đạt
Cán bộ*	63	17
Công nhân	54	11
Làm ruộng	28	12
Khác	49	11
Tổng	194	51
OR, CI _{95%} , P	OR=0,994; CI: 0,763-1,294, P=0,963 OR=0,825; CI: 0,643-1,008, P=0,531	

* biến so sánh

Nhận xét: Kết quả từ bảng 8 cho thấy nhìn chung không có sự khác biệt về nghề nghiệp và kiến thức của bà mẹ về tắc tia sữa với kết quả so sánh giữa công nhân và cán bộ (OR=0,994; CI: 0,763-1,294, P=0,963), và kết quả so sánh giữa làm ruộng với cán bộ (OR=0,825; CI: 0,643-1,008, P=0,531).

Bảng 9. *Mối liên quan liên quan giữa nơi ở và kiến thức về tắc tia sữa*

Nơi ở	Kiến thức về tắc tia sữa	
	Đạt	Không đạt
Thành phố*	73	23
Nông thôn	121	28
Tổng	194	51
OR, CI _{95%} , P	OR=1,362; CI: 0,730-2,540, P=0,332	

* biến so sánh

Nhận xét: Kết quả từ bảng 9 cho thấy nhìn chung không có sự khác biệt giữa nơi sống và kiến thức tắc tia sữa với P>0,05.

Bảng 10. *Mối liên quan giữa trình độ học vấn và kiến thức về tắc tia sữa*

Trình độ học vấn	Kiến thức về tắc tia sữa	
	Đạt	Không đạt
Cấp III trở xuống*	46	19
Trung cấp/ cao đẳng/ ĐH	128	31
Sau đại học	20	1
Tổng	194	51
OR, CI _{95%} , P	OR=2,017; CI: 1,148-3,544, P=0,015 OR=2,011; CI: 1,238-3,623, P=0,032	

* biến so sánh

Nhận xét: Kết quả từ bảng 10 cho thấy trình độ học vấn của bà mẹ có liên quan đến kiến thức về tắc tia sữa của bà mẹ sau sinh. Về trình độ học vấn các bà mẹ có trình độ học vấn từ trung cấp/ cao đẳng, đại học có cơ hội gấp 2,0 lần các bà mẹ có trình độ học vấn từ cấp III trở xuống. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê (OR=2,226; CI: 1,395-3,552, P=0,015) và (OR=2,011; CI: 1,238-3,623, P=0,032).

Bảng 11. *Mối liên quan giữa số lần sinh và kiến thức về tắc tia sữa*

Số lần sinh	Kiến thức tắc tia sữa	
	Đạt	Không đạt
Sinh lần đầu*	87	32
Sinh lần 2	100	18
Sinh lần 3	7	1
Tổng	194	51
OR, CI _{95%} , P	OR=1,942; CI:1,074-3,509, P=0,028 OR=1,914; CI:1,321-3,612, P=0,019	

* biến so sánh

Nhận xét: Kết quả từ bảng 11 cho thấy số lần sinh của bà mẹ có liên quan đến kiến thức về tắc tia sữa của bà mẹ sau sinh. Về số lần sinh các bà mẹ có số lần sinh con thứ 2 có cơ hội kiến thức gấp 1,9 lần các bà mẹ sinh con lần đầu và các bà mẹ sinh con lần 3 cũng có cơ hội kiến thức gấp 1,9 lần các bà mẹ sinh con

lần đầu. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với P lần lượt là ($OR=1,942$; $CI: 1,074-3,109, P=0,028$), ($OR=1,914; CI:1,321-3,612, P=0,019$).

BÀN LUẬN

Mô tả thực trạng kiến thức về tắc tia sữa của bà mẹ sau sinh tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên

Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

Tổng số đối tượng tham gia nghiên cứu là 245 đối tượng đã được chọn trong nghiên cứu này, về lứa tuổi của các đối tượng tham gia nghiên cứu thì phần lớn ở nhóm tuổi 20 - 29 tuổi có tỷ lệ cao nhất là 65,3%, đây là lứa tuổi phù hợp và là trong độ tuổi sinh đẻ. Cũng tương đồng với các nghiên cứu của Bushra Najem, Lamia Dhia Al-Deen (2011) [3], Cordeiro, M. P. et al. (2015) [4], Sharma Poonam. (2013) [6].

Thực trạng kiến thức của bà mẹ về tắc tia sữa sau sinh

Kết quả nghiên cứu cho thấy có 79,2% các bà mẹ có số điểm kiến thức đạt, và 20,8 % các bà mẹ có số điểm kiến thức không đạt. Kết quả này cũng tương đương với các kết quả của Sharma Poonam (2013) [6] nghiên cứu ở 100 bà mẹ sau sinh kiến thức tắc tia sữa cũng có tỷ lệ đạt được là 64,16% có kiến thức cao. Cùng chung kết quả cũng có nghiên cứu Cordei M. P. et al. (2015.) [4], kết quả của nghiên cứu này cho thấy kiến thức của bà mẹ có được không chỉ đến bệnh viện mới có mà các bà mẹ đã có kiến thức từ những nguồn thông tin khác như: Qua kinh nghiệm của các bà, các mẹ, qua các thông tin truyền thông đại chúng, qua Internet...

Một số yếu tố liên quan đến kiến thức chăm sóc bà mẹ và trẻ sau sinh

Ở nghiên cứu này chúng tôi thấy rằng không có mối liên quan giữa tuổi, nghề nghiệp, và nơi sống với kiến thức về tắc tia sữa của bà mẹ với các chỉ số lần lượt là ($OR=0,823$; $CI:0,506-1,337, P=0,431$), ($OR=0,994$; $CI:0,763-1,294, P=0,963$), ($OR=1,362$; $CI:$

$0,730-2,540, P=0,332$). Kết quả này giống với nghiên cứu của Bushra Najem, Lamia Dhia Al-Deen (2011) [3] không có sự khác biệt giữa kiến thức tắc tia sữa và nghề nghiệp của bà mẹ.

Kết quả từ bảng 10 cho thấy trình độ học vấn của bà mẹ có liên quan đến kiến thức về tắc tia sữa sau sinh của bà mẹ. Về trình độ học vấn các bà mẹ có trình độ học vấn từ trung cấp/ cao đẳng, đại học có cơ hội kiến thức cao hơn gấp 2,0 lần các bà mẹ có trình độ học vấn từ cấp III trở xuống. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($P < 0,05$). Kết quả từ bảng 11 cho thấy số lần sinh của bà mẹ có liên quan đến kiến thức về tắc tia sữa sau sinh của bà mẹ. Các bà mẹ sinh con lần 2, lần 3 có cơ hội kiến thức cao hơn gấp 1,9 lần các bà mẹ sinh con lần đầu. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với ($P < 0,05$). Cũng cùng kết quả của Bushra Najem & Lamia Dhia Al-Deen (2011) [3] về trình độ học vấn có liên quan đến kiến thức về tắc tia sữa của các bà mẹ. Những bà mẹ sinh con lần 2, lần 3 đã trải qua một kỳ sinh đẻ và họ cũng đã có những kinh nghiệm trước đó, đôi khi họ cũng đã từng gặp phải những vấn đề về tắc tia sữa của những lần sinh đẻ trước, do vậy họ có kiến thức nhiều hơn so với những bà mẹ sinh con lần đầu. Những bà mẹ sinh con lần đầu họ phải quen dần với một cuộc sống mới, những kiến thức mới mà từ trước tới giờ họ chưa từng được trải qua và chưa có một kinh nghiệm nào [5].

KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng có 79,2% các bà mẹ có số điểm kiến thức đạt, và 20,8 % các bà mẹ có số điểm kiến thức không đạt.

Ở nghiên cứu này chúng tôi thấy rằng không có mối liên quan giữa tuổi, nghề nghiệp, và nơi sống với kiến thức về tắc tia sữa của bà mẹ sau sinh ($P > 0,05$). Trình độ học vấn, số lần sinh của bà mẹ có liên quan đến kiến thức về tắc tia sữa sau sinh, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($P < 0,05$).

KHUYẾN NGHỊ

Cần tiến hành nghiên cứu đánh giá về thực hành chăm sóc vú của các bà mẹ sau sinh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dương Thị Cương (2016), *Bài giảng Sản Phụ Khoa tập 2*, Nxb Y học, Hà Nội.
2. Bộ Y tế (2009), *Hướng dẫn Quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản (Ban hành kèm theo Quyết định số 4620/QĐ-BYT ngày 25/11/2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*.
3. Bushra Najem & Lamia Dhia Al-Deen (2011), "Breast Feeding Problems in Primipara Mothers in Early Postnatal Period", *Iraqi J. Comm. Med.*, July, 24(3), pp. 192-195.
4. Cordeiro M. P., Manjima M. G., Gopinath R., Tamrakar A. (2015), "Knowledge regarding breast

problems among antenatal mothers in a selected hospital, mangaluru with a view to develop an information booklet", *International Journal of Recent Scientific Research*, Vol. 6, Issue 9, pp. 6228-6231.

5. Lundberg P. C., & Trieu T. N. (2010), "Vietnamese women's cultural beliefs and practices related to the postpartum period", *Midwifery*, 27(5), pp. 731-736

6. Sharma Poonam (2013), A Study to Assess Knowledge of Postnatal Mothers Regarding Breast Engorgement. Doi: 10.5958/j.0974-9357.5.2.079.

SUMMARY

KNOWLEDGE REGARDING BREAST ENGOEMENT OF POSTPARTUM MOTHERS AT OBSTETRIC DEPARTMENT – THAI NGUYEN NATIONAL HOSPITAL

Ngô Thị Vân Huyền^{1*}, Hoàng Thị Mai Nga¹, Trần Thị Hương²

¹TNU - University of Medicine and Pharmacy,

²Thai Nguyen national hospital

Breast engorgement is a common problem of mothers in the postpartum period. If this problem is not detected and treated properly, it can affect the lactation and lead to breast abscess. Early perception and having knowledge about breast engorgement will help mothers preventing breast problems. This study assessed knowledge and explored factors related to breast engorgement of mothers. The cross - section design was used in this study. Data were collected from 245 postpartum mothers at Obstetric Department in Thai Nguyen National Hospital. Participants were interviewed through available questionnaires.

The findings of the study revealed that 79.2% of mothers who had knowledge and 20.8% of mothers who had no knowledge about breast engorgement. There was no correlation between age, occupation, income, residence and knowledge about breast engorgement of mothers (p -value > 0.05). There was a correlation between the level of education, the number of mothers' births and knowledge about breast engorgement of mothers. Significant differences were (p -value < 0.05).

Key word: Breast engorgement, knowledge, breast problems, postnatal mothers, lactation

Ngày nhận bài: 20/12/2017; Ngày phản biện: 26/12/2017; Ngày duyệt đăng: 30/01/2018

* Tel: 0912 381116, Email: vanhuyen79@yahoo.com.vn